

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA BÀI HỌC KIẾN TẠO

PGS.TS. ĐẶNG THÀNH HUNG*

Abstract: *Constructivism in teaching has often been much discussed, but the constructivist lesson is less considered. In fact, constructivist teaching has big impact to learners and on learning through lesson units, so constructivist lessons are required to take into consideration seriously and fully. This article focused on technical aspects of the constructivist lesson and rules of designing constructivist lessons.*

Keywords: *Constructivist, constructivist lesson, constructivist learning.*

Lí thuyết kiến tạo thường được nhắc đến trong dạy học hiện đại. Có vô vàn những mô hình và kĩ thuật áp dụng lí thuyết này trong các môn học. Nhiều nghiên cứu đã xem xét những khía cạnh khác nhau như quan điểm dạy học kiến tạo, tiếp cận kiến tạo, phương pháp dạy học theo quan điểm kiến tạo, học tập kiến tạo, môi trường học tập kiến tạo... nhưng vấn đề *bài học kiến tạo (BHKT)* thì ít được bàn đến. Xét đến cùng, dạy học phải tác động đến người học và học tập ở đơn vị bài học chứ không thể tác động chung chung. Do đó, cần xem xét vấn đề bài học kiến tạo một cách nghiêm túc và đầy đủ.

1. Học tập kiến tạo

Những đặc điểm của học tập kiến tạo được chỉ ra từ các nghiên cứu kinh điển của J. Piaget, L.X. Vygotsky, J. Dewey, C.R. Rogers, R. Bruner,... và sau này của nhiều người khác như: Brooks, Jacqueline Grennon and Brooks, Martin G. (1993), Clements, D. H. & Battista, M. T. (1990), Duffy, T. and others (1992), John A. Malone và Peter C.S. Taylor (1993), George W. Gagnon, Jr. Michelle Collay (2006), Priver R, Asoko H, Leach J, Motimer E, Scott P (1994), Nerida F. Ellerton và M.A (1992),... Từ các công trình này có thể hiểu những nguyên tắc của học tập kiến tạo gồm:

- Người học sản sinh và tạo ra tri thức một cách chủ động và tích cực cho mình chứ không phải thụ động tiếp nhận từ bên ngoài. Người học tự tạo nên ý tưởng chứ không dễ dàng tìm thấy ý tưởng như “một viên sỏi” hoặc nhận được từ tay người khác như “một món quà”, đó chính là quá trình sáng tạo cách nghĩ mới về thế giới (Piaget).

- Nhận thức là một quá trình thích nghi và tổ chức lại thế giới quan của chính mỗi người. Nhận thức của người học không phải là khám phá một thế giới hoàn toàn mới mà chủ thể nhận thức chưa từng biết tới và

chưa từng có kinh nghiệm về nó, mà đó là khám phá chính mình như Vygotsky mô tả trong lí thuyết “vùng cận phát triển” (Zone of Proximal Development).

- Học là quá trình mang tính chất xã hội, trong đó người học dần tự hòa mình vào các hoạt động trí tuệ của những người xung quanh và nhập tâm những giá trị từ thế giới xung quanh. Trong lớp học kiến tạo, học sinh (HS) không chỉ tham gia vào việc khám phá, phát minh mà còn tham gia vào cả quá trình xã hội bao gồm việc giải thích, trao đổi, đàm phán và đánh giá. Học tập không chỉ diễn ra trong tư duy của mỗi cá nhân mà nó còn là tương tác của cá nhân với môi trường.

- Tri thức mới của mỗi cá nhân nhận được từ việc điều chỉnh lại thế giới quan của họ, cần phải đáp ứng được những yêu cầu mà tự nhiên và thực trạng xã hội đặt ra, tức là đáp ứng nhu cầu xã hội và để sống chứ không phải để đọc sách. Nhà trường không phải là nơi chuẩn bị cho trẻ vào đời mà ở đó như là cuộc sống của trẻ (Dewey).

Từ những nguyên tắc đó, có thể hiểu: *Học tập kiến tạo là chiến lược học tập chủ động, mang tính chất tìm tòi, phát hiện và giải quyết vấn đề học tập hoặc tích lũy và phát triển giá trị, trong đó nội dung học tập không được cho sẵn như những kết luận đã có từ trước mà là cái mà người học phải nỗ lực tìm kiếm, tiếp nhận, xử lí, đánh giá và sáng tạo để phát triển chính năng lực nền tảng của mình và đạt kết quả học tập do những nỗ lực của mình, qua đó phát hiện mình đã biết gì và chưa biết gì, và tiếp tục cần biết gì nữa.*

Khi nhìn từ góc độ người dạy, học tập kiến tạo chính là chiến lược học tập tích cực, được thúc đẩy bởi nhu cầu và động cơ bên trong người học, được thực

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

hiện bằng chính kinh nghiệm, giá trị, hoạt động và những nỗ lực của bản thân người học. Theo khái niệm học tập kiến tạo, hoạt động của người học quyết định thành công và sự phát triển của họ.

2. Bài học kiến tạo

2.1. Khái niệm: BHKT đương nhiên là bài học, tức là đơn vị nội dung của dạy học, tương ứng với sự lĩnh hội một khái niệm, nguyên lí, kĩ năng hay giá trị cơ bản. Tuy nhiên, nó là bài học được thiết kế và thực hiện theo lí thuyết kiến tạo. Khi đó, BHKT có những đặc trưng khác biệt và có thể định nghĩa khái niệm này như sau: *BHKT là kiểu bài học được thiết kế và tiến hành theo những nguyên tắc và bản chất của học tập kiến tạo, trong đó những hoạt động giảng dạy và học tập đảm bảo được môi trường học tập mang tính chủ động, quá trình học được định hướng theo chiến lược kiến tạo và quá trình dạy có chức năng khuyến khích, chỉ dẫn và tập trung vào người học.*

Nói cách khác, BHKT là kiểu bài học có chức năng tích cực hóa người học và quá trình học tập, định hướng người học vào hoạt động tìm tòi, suy ngẫm, chủ động khai thác, tiếp nhận, đánh giá thông tin và xử lí các sự kiện, tình huống, tự giác với quá trình học tập của mình. BHKT đồng nghĩa với bài học tích cực hóa người học và tích cực hóa bằng con đường khuyến khích người học nỗ lực tìm tòi bởi chính hoạt động của mình.

2.2. Những nguyên tắc của BHKT:

- *Đảm bảo tập trung vào hoạt động của người học:* BHKT thực chất là bài học tích cực hóa người học, phát huy tính tích cực học tập, làm cho người học hoạt động chủ động hơn, suy nghĩ nhiều hơn. Vì thế, toàn bộ những yếu tố của BHKT đều tập trung vào hoạt động của người học, xem đó là động lực của dạy học. Mặt khác, trong BHKT, những hành động dạy học của nhà giáo đều phải dựa vào hoạt động của người học vì chỉ có duy nhất người học mới học được những gì họ muốn và họ cần, không ai học thay họ được.

- *Đảm bảo định hướng việc học vào tìm tòi, phát hiện, suy ngẫm:* BHKT dạy người ta cách tự mình giành lấy học vấn mình cần. Cách đó chính là tìm tòi, phát hiện, suy ngẫm trước mọi sự cần học theo phong cách khoa học. Bản chất của học tập là tìm tòi, phát hiện thế giới thông qua thế giới quan của mình. Nguyên tắc hướng việc học vào tìm tòi, phát hiện là nguyên tắc sống còn của BHKT, vì nó đảm bảo tính sáng tạo của học tập, chứ không phải là lặp lại kinh nghiệm và tiền lệ, tức là phát triển kinh nghiệm theo lối của mình (Dewey).

- *Đảm bảo phát huy tính chủ động của người học:* Nguyên tắc này đòi hỏi những gì HS thực hiện là chủ

động, tự giác với nhu cầu và khát vọng bên trong chứ không do áp lực từ bên ngoài. Tức là, BHKT phải có sức cuốn hút, khiến cho HS muốn học, học tự giác và say mê, với động cơ là lĩnh hội nội dung học tập một cách tốt nhất. Vì thế, học tập kiến tạo cũng là kiểu học hiệu quả nhất để phát triển kĩ năng học tập và năng lực tự học.

- *Đảm bảo khuyến khích tư duy phân kì (tư duy đa phương án):* Nguyên tắc này đòi hỏi BHKT ưu tiên cho việc phát triển tư duy đa phương án để huy động tối đa hoạt động trí tuệ, khai thác mọi phong cách học tập khác nhau (ví dụ: 8 phong cách học tập tương ứng với 8 dạng trí tuệ mà H. Gardner đề nghị là trí tuệ hướng nội, trí tuệ hướng ngoại, trí tuệ tự nhiên, trí tuệ ngôn ngữ, trí tuệ âm nhạc, trí tuệ logic-toán, trí tuệ không gian, trí tuệ vận động). Tư duy đa phương án có đặc trưng là không duy nhất thừa nhận chỉ một cách nghĩ, một cách làm, một cách cảm nhận mà luôn hướng đến những giải pháp đa dạng, giàu tính sáng tạo.

- *Đảm bảo việc tôn trọng những sự kiện và bằng chứng thực tế:* Nguyên tắc này xác nhận học tập kiến tạo không khác gì nghiên cứu khoa học, luôn dựa vào sự kiện, bằng chứng thực tế và những lập luận logic bằng tư duy biện chứng. BHKT hạn chế lối "học vẹt", cách nghĩ theo lối mòn, theo tiền lệ và tư biện, khuyến khích tính sáng tạo và khai thác những bằng chứng thực chứng, hướng dẫn cách học tập theo các chiến lược nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Do đó, trong giáo dục khoa học, BHKT thường dựa vào thực nghiệm khoa học.

- *Đảm bảo tạo ra được môi trường học tập kiến tạo:* BHKT cuối cùng phải đảm bảo tạo ra môi trường học tập kiến tạo là cái nền chung diễn ra quá trình học tập. Những đặc trưng của môi trường học tập kiến tạo gồm: + Có tính mở và linh hoạt về không gian và quản lí; + Có quan hệ tham gia và hợp tác mạnh mẽ; + Giàu thông tin và đa tương tác; + Có tính nhân văn và giàu cảm xúc; + Có tính vấn đề và khuyến khích học tập chủ động.

2.3. Những quy tắc của BHKT trong dạy học:

- *Giáo viên (GV) không làm thay HS:* Trong dạy học, GV không được phép "làm hộ" HS mà chỉ có trách nhiệm giúp đỡ, khuyến khích các em tự làm. Đó là quy tắc để dẫn tạo ra tâm thế chủ động, phát huy tính tích cực và ý thức trách nhiệm của HS, đồng thời là biện pháp thể hiện sự tôn trọng HS.

- *Huy động được nỗ lực của cả cá nhân lẫn của nhóm hay lớp:* Quy tắc này đòi hỏi cân bằng giữa cá nhân hóa, phân hóa và chỉ dẫn đồng loạt trong dạy học, không coi nhẹ bên nào. GV phải thông qua nỗ lực của HS mà khuyến khích cả nhóm hay cả lớp. Ngược lại,

GV phải thông qua ảnh hưởng của cả nhóm hoặc lớp mà tác động đến từng HS trong quá trình dạy học.

- **Tạo nhiều cơ hội hoạt động cho HS:** Quy tắc này được thực hiện ngay từ thiết kế bài học, đặc biệt khâu thiết kế hoạt động của người học, phương pháp, phương tiện dạy học và học liệu. Khi có nhiều cơ hội hoạt động thì HS dễ lựa chọn cách làm, không làm cách này thì làm cách kia, cách này không hợp thì làm cách khác, không làm được việc này thì làm việc kia. Như vậy, các em không có cơ hội ngồi yên một cách thụ động mà luôn có thể tham gia vào quá trình học tập.

- **Tiến trình dạy học linh hoạt:** Quy tắc này tránh việc học bị gò ép vào một khuôn khổ hay hình mẫu nhất định mà khuyến khích những ý tưởng hay cách làm mới; không lặp lại tiền lệ và thói quen; phát triển kỹ năng học tập hiệu quả theo hướng tìm tòi, phát hiện, nghiên cứu và sáng tạo. Khi tiến trình dạy học linh hoạt thì việc học tập cũng linh hoạt, nhạy bén và các hình thức học tập sẽ đa dạng.

- **Đánh giá tập trung vào quá trình:** Sứ mệnh cốt lõi của BHKT là làm cho người học tiến hành học tập theo kiểu tìm tòi, phát hiện và nghiên cứu. Đó là dạy cách học, dạy khát vọng học tập. Còn tìm hay phát hiện ra cái gì cụ thể không phải là quan trọng nhất vì cái cần tìm đó đã có trong sách. Điều cần nhất là quá trình học tập diễn ra thế nào. Theo triết lý kiến tạo, nó phải là quá trình năng động, chủ động, tích cực, tập trung vào suy nghĩ để tìm tòi, phát hiện và nghiên cứu. Đánh giá cần tập trung vào những đặc điểm của quá trình học tập.

* * *

Trong lí luận, BHKT không phải là vấn đề mới mà là vấn đề đòi hỏi cách hiểu mới, đầy đủ hơn và gắn với nhiệm vụ dạy học hàng ngày của nhà giáo, nhiệm vụ học tập của người học. Đã có nhiều nghiên cứu về lí thuyết kiến tạo nhưng cái cụ thể là *BHKT* thì chưa được quan tâm, trong khi đây là điều mà nhà trường, nhà giáo và HS cần. □

Tài liệu tham khảo

1. Brooks, Jacqueline Grennon and Brooks, Martin G. **The case for constructivist classrooms.** Alexandria, VA: ASCD. 1993.
2. Dewey, John. **John Dewey on education: Selected writings.** Chicago: University of Chicago Press. 1964.
3. Duffy, T. and others. **Constructivism and the technology of instruction: a conversation,** Hillsdale, N.J. : Lawrence Erlbaum Associates Publishers. 1992.
4. George W. Gagnon, Jr. Michelle Collay. **Constructivist learning design.** Corwin press asage publication company. Thousand Oaks, California. 2006.

5. John A. Malone and Peter C.S. Taylor. **Constructivist interpretations of learning mathematics.** Curtin. 1993.

6. Nerida F. Ellerton and M.A. Clements. **Some pluses and minuses of radical constructivism in mathematics education.** Mathematic education research journal, Vol,4.No 2, 1992.

7. Piaget, Jean. **Equilibration of cognitive structures.** New York: Viking Press. 1977.

8. Priver R, Asoko H, Leach J, Motimer E, Scott P. "Constructing scientific knowledge in the classroom". Educational researcher, Vol.23.No 7. PP. 5-12. 1994.

9. Rogers, C.R. **Freedom to Learn.** Columbus, OH: Merrill. 1969.

10. Vygotsky, L. S. **Mind in society: The development of higher psychological processes.** Cambridge, MA: Harvard University Press. p. 86. 1978.

Giáo dục hành vi đạo đức...

(Tiếp theo trang 38)

tưởng tượng, ngôn ngữ, đặc biệt là ngôn ngữ nghệ thuật, phẩm chất trí tuệ, sự tập trung chú ý, kỹ năng nghe âm sắc biểu cảm của ngôn ngữ nghệ thuật, năng khiếu văn học nghệ thuật... Từ đó, nảy sinh ở trẻ ý thích tham gia vào các hoạt động văn học nghệ thuật.

GD HVĐĐ cho trẻ mẫu giáo qua VHTN có hiệu quả rất cao. Mỗi tác phẩm văn học đều mang đến cho trẻ một bài học đạo đức sâu sắc, khơi gợi trong tâm hồn tình cảm trẻ những xúc cảm tình cảm mãnh liệt, trẻ biết yêu thương, nhân ái, biết cảm thông chia sẻ, biết gắn bó yêu con người quê hương đất nước, biết dũng cảm vượt qua khó khăn bởi trong mỗi tác phẩm văn học đều chứa đựng, phản ánh một góc thực của cuộc sống xã hội. □

Tài liệu tham khảo

1. M. K Bogoliupxkaia - V.V Septsenko. **Độc và kể chuyện văn học ở vườn trẻ.** NXB Giáo dục, H. 1976.
2. Hà Nguyễn Kim Giang. **Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn.** NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
3. Đặng Thành Hưng. "Quan niệm đạo đức và giáo dục đạo đức trong nhà trường hiện đại". Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 84 (tháng 9/2012), tr 12.
4. Lê Thị Ánh Tuyết - Lê Thị Bắc Lý. **Giáo trình Phương pháp đọc, kể diễn cảm thơ, truyện cho trẻ mầm non.** NXB Giáo dục, H. 2006.
5. Lê Thị Ánh Tuyết - Hoàng Minh Vũ. **Những văn thơ cho thiếu nhi.** NXB Giáo dục, H. 2006.